CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 12/ĐL/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long

Địa chỉ: thôn Lựu Phố, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: 02283 819 269 Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0601070523

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Giấy chứng nhận ISO số HA 688/1.25.CIV; Ngày cấp: 10/07/2025; Nơi cấp: Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert).

II. Thông tin về sản phẩm

1. **Tên sản phẩm**: **KẸO COFFEE**
2. **Thành phần**: Bột kem không sữa, bột sữa, đường trắng, chất chống đông vón (INS 470(iii)), chất làm dày (INS 1400), bột cà phê (0.5%), hương liệu tổng hợp (hương cà phê).
3. **Hạn sử dụng**: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì**:
   - 4.1. Bao bì trực tiếp: dạng túi PET/PE hoặc PP bao gói cho từng đơn vị sản phẩm (01 viên kẹo/túi). Chất lượng bao bì phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30 tháng 08 năm 2011 của Bộ y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
   - 4.2. Bao bì ngoài: Dạng túi nhựa PP, có các khối lượng trong 01 túi như sau: 300g, 400g, 900g, 1 kg, 2kg hoặc theo nhu cầu của thị trường (khối lượng đóng gói được ghi rõ trên nhãn của sản phẩm). bao bì này phù hợp các yêu cầu về vệ sinh, an toàn theo các quy định hiện hành đối với bao bì dùng cho thực phẩm.
   - 4.3. Bao bì dùng lưu trữ, vận chuyển, bảo quản: Dạng thùng carton hình chữ nhật, khối lượng đóng gói được ghi rõ trên thùng sản phẩm.
5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất**.

   Sản xuất tại: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long

   Địa chỉ: thôn Lựu Phố, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.

   Điện thoại: 02283 819 269 Hotline: 0948.372.371

   Nhà máy sản xuất: Lô C0+1 phần lô C3, tờ bản đồ QH Khu công nghiệp Hòa Xá, Phường Thành Nam, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Được quét bằng CamScanner

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm túi mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Công ty cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của chính phủ về nhãn hàng hóa
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa;
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm;
- Thông tư số 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn sản phẩm;
- Tiêu chuẩn cơ sở Số: TCCS 12:2025/ĐL

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Nam Định, ngày 01 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI LONG TP. NAM ĐỊNH - T. NAM ĐỊNH

TRẦN THỊ THU HÀ

Được quét bằng CamScanner

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Tên sản phẩm: KẸO COFFEE
Thành phần: Bột kem không sữa, bột sữa, đường trắng, chất chống đông vón (INS 470(iii)), chất làm dày (INS 1400), bột cà phê (0.5%), hương liệu tổng hợp (hương cà phê).
Khối lượng tịnh: In trực tiếp trên bao bì sản phẩm
Ngày sản xuất và hạn sử dụng: In trực tiếp trên bao bì sản phẩm
Hướng dẫn sử dụng: Mở bao bì sản phẩm. Lấy sản phẩm ra ăn trực tiếp.
Thông tin, cảnh báo: Nhai kỹ sản phẩm để tránh nguy cơ bị hóc. Trẻ em dưới 3 tuổi ăn cần có sự giám sát của người lớn
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Công ty sản xuất và chịu trách nhiệm về sản phẩm:
Sản xuất tại: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long
Địa chỉ: thôn Lựu Phố, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.
Điện thoại: 02283 819 269 Hotline: 0948.372.371
Nhà máy sản xuất: Lô C0+1 phần lô C3, tờ bản đồ QH Khu công nghiệp Hòa Xá, Phường Thành Nam, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
Số tự công bố: 12/ĐL/2025
Sản xuất tại Việt Nam

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)		
Thành phần dinh dưỡng	*** Trên 100 g**	**% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)**
Năng lượng (Energy)	447 kcal	24%
Chất đạm (Protein)	1,9 g	2%
Carbohydrat (Carbohydrate)	77,6 g	22%
Đường tổng số (Total Sugars)	27,2 g	-
Chất béo (Total Fat)	14,3 g	38%
Natri (Sodium)	246 mg	6%
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g thực phẩm.		

*Ghi chú: * Giá trị thực tế không nhỏ hơn 80% so với giá trị ghi trong bảng trên*

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CP SX VÀ THƯƠNG MẠI XNK ĐẠI LONG Số: 02-0210/2025/QĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** *Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*

Nam Định, ngày 02 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chuẩn cơ sở

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI LONG

Căn cứ Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BKHCN nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BKHCN Quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ nhu cầu sản xuất và kinh doanh của công ty;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành Tiêu chuẩn cơ sở số TCCS 12:2025/ĐL, áp dụng cho sản phẩm **Kẹo coffee** với các thông tin về sản phẩm như sau:

- Kiểu sản phẩm: Thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn;
- Loại sản phẩm: Thực phẩm dùng để ăn liền;
- Nhãn hiệu sản phẩm: ĐL.
- Mã ký hiệu sản phẩm: 12:2025/ĐL.

Điều 2: Các phòng ban, phân xưởng sản xuất có liên quan đến việc chế biến sản phẩm tại Điều 1 của Công ty chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- *Như điều 2;*
- *Lưu VT;*

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI LONG
T. NAM ĐỊNH - T. NAM ĐỊNH

GIÁM ĐỐC
Trần Thị Thu Hà

Được quét bằng CamScanner

Công ty cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long
Địa chỉ: thôn Lựu Phố phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.
Điện thoại: 02283 819 269 Hotline: 0948.372.371
Nhà máy sản xuất: Lô C0+1 phần lô C3, tờ bản đồ QH Khu công nghiệp Hòa Xá, Phường Thành Nam, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
TCCS số: 12:2025/ĐL

Tên sản phẩm:
KẸO COFFEE

- **Lần soát xét: 01**

Được quét bằng CamScanner

I. PHẦN THÔNG TIN MỞ ĐẦU:

TCCS 12:2025/ĐL do phòng Quản lý chất lượng của Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long biên soạn, áp dụng cho sản phẩm **Kẹo coffee** ban hành kèm theo quyết định Số: 02-0210/2025/QĐ ngày 02/10/2025.

II. PHẦN CƠ BẢN

Tên sản phẩm: **Kẹo coffee**

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng đối với sản phẩm **Kẹo coffee** sản xuất tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long – Mã số doanh nghiệp: 0601070523

Địa chỉ: thôn Lựu Phố, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: 02283 819 269 Hotline: 0948.372.371

Nhà máy sản xuất: Lô C0+1 phần lô C3, tờ bản đồ QH Khu công nghiệp Hòa Xá, Phường Thành Nam, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

2. Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

2.1. **Kẹo coffee:** là sản phẩm được làm từ các nguyên liệu chính như các sữa bột, đường, bột cà phê và một số loại phụ gia thực phẩm và hương liệu thực phẩm. Sản phẩm có hình hạt cà phê, có mùi thơm và vị ngọt đặc trưng, dùng ăn trực tiếp.

2.2. ĐL: là tên viết tắt của công ty Cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long.

3. Yêu cầu kỹ thuật.

3.1. Thành phần nguyên liệu:

Bột kem không sữa, bột sữa, đường trắng, chất chống đông vón (INS 470(iii)), chất làm dày (INS 1400), bột cà phê (0.5%), hương liệu tổng hợp (hương cà phê).

Chú ý: các thành phần nguyên liệu đáp ứng yêu cầu về chất lượng và an toàn để dùng làm thực phẩm.

3.2. Yêu cầu về cảm quan

Kẹo vị ngọt, mùi thơm đặc trưng của sản phẩm

3.3. **Thông tin dinh dưỡng (nutrition facts)** ***(Theo hướng dẫn tại Thông tư 29/2023/TT-BYT Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm)***

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)		
Thành phần dinh dưỡng	*** Trên 100 g**	**% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)**
Năng lượng (Energy)	447 kcal	24%
Chất đạm (Protein)	1,9 g	2%
Carbohydrat (Carbohydrate)	77,6 g	22%
Đường tổng số (Total Sugars)	27,2 g	-
Chất béo (Total Fat)	14,3 g	38%
Natri (Sodium)	246 mg	6%
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g thực phẩm.		

*Ghi chú: * Giá trị thực tế không nhỏ hơn 80% so với giá trị ghi trong bảng trên*

Được quét bằng CamScanner

4. **Phụ gia thực phẩm**: Việc sử dụng phụ gia thực phẩm đối với sản phẩm phù hợp theo Thông tư 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 08 năm 2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
5. **Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

5.1. Giới hạn tối đa kim loại nặng

Áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Nhóm đường)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 0,5
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	≤ 1,0
3	Arsenic (As)	mg/kg	≤ 1,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	≤ 0,05

5.2. Giới hạn vi sinh vật: áp dụng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU /g	≤ $5x10^5$
2	*E.coli*	CFU /g	≤ 50

6. Phương pháp thử:

Trong quá trình sản xuất và lưu hành sản phẩm, khi công ty có nhu cầu kiểm nghiệm các chỉ tiêu liên quan đến chất lượng và vệ sinh an toàn của các nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, bao bì sản phẩm,...cũng như sản phẩm trước và sau khi đưa ra lưu thông trên thị trường thì các mẫu kiểm nghiệm sẽ được gửi tới các cơ quan kiểm nghiệm có đầy đủ tư cách pháp nhân, năng lực theo quy định của pháp luật hiện hành để các cơ quan kiểm nghiệm đó tiến hành các thử nghiệm theo các phương pháp thử đã được công nhận.

7. Thời hạn sử dụng: sản phẩm có thời hạn sử dụng là 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

8. Bao bì, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản.

8.1. Quy cách đóng gói:

8.1.1. Bao bì trực tiếp: dạng túi PE, PP hoặc PVC, bao gói cho từng đơn vị sản phẩm (01 viên kẹo/túi).

8.1.2. Bao bì ngoài: Dạng túi nhựa PP, có các khối lượng trong 01 túi như sau: 100g, 300g, 400g, 900g, 1 kg, 2kg hoặc theo nhu cầu của thị trường (khối lượng đóng gói được ghi rõ trên nhãn của sản phẩm).

8.1.3. Bao bì dung lưu trữ, vận chuyển, bảo quản: Dạng thùng carton hình chữ nhật, khối lượng đóng gói được ghi rõ trên thùng sản phẩm.

8.2. Chất liệu bao bì

8.2.1. Bao bì trực tiếp: dạng túi, được làm từ nhựa PE có chất lượng phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30 tháng 08 năm 2011 của Bộ y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

8.2.2. Bao bì ngoài: dạng túi bằng nhựa PP, bao bì này phù hợp các yêu cầu về vệ sinh, an toàn theo các quy định hiện hành đối với bao bì dùng cho thực phẩm.

Được quét bằng CamScanner

8.2.3. Bao bì dùng lưu trữ, vận chuyển, bảo quản: Dạng thùng có hình chữ nhật, làm bằng carton. Bao bì này phù hợp các yêu cầu về vệ sinh, an toàn theo các quy định hiện hành đối với bao bì dùng cho thực phẩm.

8.2. Ghi nhãn:

Việc ghi nhãn thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của chính phủ "về nhãn hàng hóa", nghị định 111/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về "Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của chính phủ "về nhãn hàng hóa".

8.3. Vận chuyển:

Sản phẩm được vận chuyển bằng các phương tiện chuyên dụng, bảo vệ được chất lượng và an toàn vệ sinh cho sản phẩm.

8.4. Bảo quản:

Sản phẩm được Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

III. Phần thông tin bổ sung

Trong trường hợp các quy định pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn được viện dẫn trong Tiêu chuẩn cơ sở này có sự sửa đổi bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

TP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**
Trần Thị Nga	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI HỒNG GIÁM ĐỐC Trần Thị Thu Hà

Được quét bằng CamScanner

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Đc: Số 07, Ngách 168/21, Đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

Mã số/ Code: DV141710543/04

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI LONG**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Lô C0+1 Phần Lô C3, KCN Hòa Xá, Phường Mỹ Xá, Thành Phố Nam Định, Tỉnh Nam Định
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Kẹo coffee**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong túi kín, 200g/túi, số lượng: 1 túi
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 16/04/2025
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 16/04/2025-23/04/2025
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 23/04/2025

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Năng lượng	kcal/100g	447,35	VNT.H.03.Fo.277
2	Protein	g/100g	1,96	TCVN 10034:2013
3	Béo tổng*	g/100g	14,31	TCVN 4072:2009
4	Carbohydrate hiệu dụng	g/100g	77,68	VNT.H.03.Fo.187
5	Natri (Na)	mg/100g	246,0	TCVN 10916:2015
6	Chì (Pb)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 8126:2009
7	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 8126:2009
8	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 7604:2007

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be repoduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục Chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of agriculture and rulal development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not acccept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

Scanned with CamScanner

Mã số/ Code: DV141710543/04

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
9	Arsen (As)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	VNT.H.03.Fo.98 (2022)
10	Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4884-1:2015
11	*E. coli**	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008

Ghi chú/ *Note:*

- KPH: Không phát hiện / Not detected.

- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp / Limit of detection of method.

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

VŨ THỊ KIM THANH

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

VIỆN NGHIỆM ĐỊNH LƯỢNG NTEST

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be repoduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục Chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of agriculture and rulal development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not acccept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

Scanned with CamScanner

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Đc: Số 07, Ngách 168/21, Đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

Mã số/ Code: DV142010391/06

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ *Customer's Name*: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI LONG
2. Địa chỉ/ *Address*: Thôn Lựu Phố, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình
3. Tên mẫu thử/ *Name of Sample*: Kẹo Coffee
4. Mô tả mẫu/ *Sample Description*: Mẫu đựng trong túi kín. Khối lượng: 200g/túi; số lượng: 01 túi
5. Ngày nhận mẫu/ *Date sample received*: 08/07/2025
6. Thời gian lưu mẫu/ *Sample retention time*: Không có mẫu lưu
7. Ngày thử nghiệm/ *Date of test*: 08/07/2025-15/07/2025
8. Ngày trả kết quả/ *Date of issue*: 15/07/2025

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Đường tổng số	g/100g	27,21	TCVN 4074: 2009

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

VŨ THỊ KIM THANH

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be repoduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục Chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of agriculture and rulal development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not acccept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

Scanned with CamScanner